

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 6 - 2019
V/v ly hôn giữa chị V và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hạnh

Bà Lê Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trục tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 06/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhưng vẫn không khắc phục được. Đến năm 2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó lên Vĩnh Phúc làm ăn, anh T cũng đi làm ở Sơn Tây, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 06/4/2004 và Phạm Thành D, sinh ngày 09/02/2010. Hiện nay các cháu đang ở với bố và ông bà nội (ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị D). Khi ly hôn chị đề nghị giao mỗi người nuôi một con, chị xin được trực tiếp nuôi cháu D, anh T tiếp tục nuôi cháu Đ. Chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị Đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án gửi và tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác thông qua người thân là bà Phạm Thị D - mẹ đẻ của anh T; cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D trình bày, anh T là con trai của bà, đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị V vào năm 2003 tại UBND xã Đ. Từ khi kết hôn anh T và chị V sống chung với gia đình bà, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tiến Đ và cháu Phạm Thành D, quá trình chung sống anh T và chị V có mâu thuẫn như thế nào bà không biết. Hiện nay anh T và chị V đi làm mỗi người một nơi, các cháu ở với ông bà đẻ đi học. Anh T và chị V vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, thường xuyên về thăm con và gia đình, nhưng không rõ thời gian cụ thể. Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh T không đến Tòa án làm việc với lý do gì bà không biết. Khi nhận được giấy báo của Tòa án, anh T có nói "Nên V làm đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của V". Các cháu Đ và D có ý kiến: Nếu bố mẹ (anh T và chị V) ly hôn cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ. Việc chị V làm đơn xin ly hôn anh T là chuyện riêng của các cháu bà và gia đình không can thiệp, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị V giữ nguyên yêu cầu, quan điểm đã trình bày và đề nghị nêu trên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn (chị V) đã thực hiện đúng; phía bị đơn (anh T) đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51; Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Phạm Văn T. Giao cháu Phạm Thành D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Phạm Tiến Đ cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vân phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với anh T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết việc chị V làm đơn xin ly nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án theo yêu cầu của chị V, chứng tỏ anh T đã có ý thức bỏ mặc, không muốn hợp tác để Tòa án hòa giải cho anh và chị V đoàn tụ.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị V và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V đối với anh Phạm Văn T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Các đương sự có 02 con chung, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Đề nghị của chị V khi vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thành D, giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Tiến Đ, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, phù hợp với nguyện vọng của các con, không trái với đạo đức xã hội và không vi phạm các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn T;

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Xử giao chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thành D, sinh ngày 09/02/2010; anh Phạm Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 06/4/2004; anh T có trách nhiệm giao cháu D cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp theo Biên lai số 0002220, ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã Đ;
- Lưu: HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh